

Số: 23/2025/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 14 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 124/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Thủy lợi (sau đây gọi tắt là Chi cục) là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn, bảo đảm an ninh nguồn nước, đề điều, phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

2. Chi cục có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Trụ sở làm việc:

- a) Cơ sở 1: Số 47, đường Trung Trắc, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên.
- b) Cơ sở 2: Số 01, phố Lê Lợi, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Giám đốc Sở) trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục và các văn bản khác theo phân công Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý của Chi cục trên địa bàn tỉnh;

c) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thủy lợi, đề điều và phòng, chống thiên tai được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về thủy lợi, cụ thể như sau:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: Quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản thủy lợi, quy trình vận hành công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; quyết định giao tổ chức quản lý hoặc phân cấp quản lý công trình thủy lợi (bao gồm công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên theo Danh mục phân giao quản lý công trình thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành), công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; quy định cụ thể phạm vi vùng phụ cận, phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; phê duyệt phương án ứng phó thiên tai trong quá trình thi

công, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước; phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện bảo vệ công trình thủy lợi khi xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố; quy mô thủy lợi nội đồng; kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn do địa phương quản lý;

b) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước (bao gồm đập, hồ chứa nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý), công trình thủy lợi khác theo thẩm quyền trên địa bàn tỉnh; cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép cho các hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác theo quy định;

d) Chủ trì xây dựng phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật; các nội dung liên quan đến thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch thủy lợi và quy hoạch ngành quốc gia theo quy định;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, khai thác, sử dụng và bảo vệ các hồ chứa nước, công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn; tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn; thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn;

h) Hướng dẫn, kiểm tra công tác tưới, tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

i) Theo dõi, giám sát, quan trắc diễn biến bồi lắng, xói lở công trình thủy lợi; hướng dẫn, quản lý việc tổ chức thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý vận hành, điều tiết nguồn nước của các hệ thống công trình thủy lợi; bảo đảm cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt trong thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng trên địa bàn tỉnh; tổ chức quan

trắc, dự báo, cảnh báo về hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng, số lượng, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

k) Chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, hướng dẫn thực hiện về phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về đê điều và phòng, chống thiên tai, cụ thể như sau:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện: Kế hoạch phòng, chống thiên tai; quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai của địa phương theo phân công; tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai; tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh; quyết định về tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống quan trắc, theo dõi, giám sát chuyên dùng phòng, chống thiên tai; quyết định phê duyệt, công bố kết quả điều tra cơ bản về phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; quyết định về lực lượng chuyên trách quản lý đê điều, lực lượng quản lý đê nhân dân; chế độ, chính sách đối với lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng tuần tra, canh gác đê; cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều; sử dụng bãi sông, bãi nổi, cù lao liên quan đến thoát lũ và đê điều; chấp thuận việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều; quyết định phê duyệt các phương án hộ đê;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quản lý thực hiện quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đối với khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và quy hoạch sản xuất thích ứng với đặc điểm thiên tai trên địa bàn, bảo đảm phát triển bền vững; tổ chức thường trực, chỉ huy công tác ứng phó thiên tai; kiểm tra, tổng hợp, thống kê, đánh giá, báo cáo, công bố số liệu thiệt hại do thiên tai gây ra; thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra thiên tai để giảm nhẹ thiệt hại, nhanh chóng phục hồi sản xuất;

c) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án ứng phó thiên tai; quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai trên địa bàn theo phân công; quyết định phân lũ, làm chậm lũ để hộ đê theo thẩm quyền;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều và phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch tỉnh, đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa, duy tu, bảo dưỡng đê điều, quản lý và bảo đảm an toàn đê điều theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc đánh giá hiện trạng đê điều, xác định

trọng điểm xung yếu đề điều; kiểm tra xây dựng, triển khai phương án hộ đề, công tác hộ đề, bảo đảm an toàn đề điều; tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu về đề điều trong phạm vi của tỉnh;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, vận hành và bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Tuyên truyền, phổ biến nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; khu di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn và công trình;

h) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đề điều; xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện việc di dời công trình, nhà ở liên quan tới phạm vi bảo vệ công trình đề điều và bãi sông theo quy định.

6. Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Tổ chức thu nhận, vận hành, cập nhật và sử dụng thường xuyên cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Chi cục; tích hợp, đồng bộ, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục; kết nối, cung cấp, chia sẻ sử dụng dữ liệu, dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định;

b) Quản trị, vận hành hạ tầng số, nền tảng số, ứng dụng số, các cơ sở dữ liệu/hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Chi cục;

c) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Chi cục; kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định;

d) Thực hiện bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ an ninh mạng, bảo mật dữ liệu theo quy định; phòng, chống phần mềm độc hại; phòng, chống tấn công mạng thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin, tổng hợp số liệu thống kê phục vụ công tác quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, phát triển kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý của Chi cục;

e) Tham gia phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh theo phân công; hướng dẫn, tập huấn chuyển đổi số, kỹ năng số thuộc phạm vi quản lý của Chi cục;

g) Quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định.

7. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở quản lý các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục và theo phân công hoặc ủy quyền của Sở theo quy định của pháp luật.

9. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

10. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo vào lĩnh vực được phân công trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật.

11. Kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực được phân công; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật.

12. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, ngạch công chức, lao động hợp đồng, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công, ủy quyền của Sở.

13. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục gồm: Chi cục trưởng và không quá 02 (hai) Phó Chi cục trưởng

a) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Phó Chi cục trưởng là người giúp Chi cục trưởng phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một hoặc một số lĩnh vực công tác do Chi cục trưởng phân công; chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về kết quả công tác được phân công. Khi Chi cục trưởng vắng mặt, một Phó Chi cục trưởng được Chi cục trưởng ủy quyền điều hành các hoạt động của Chi cục.

2. Các tổ chức hành chính thuộc Chi cục: 04 tổ chức, gồm:

a) Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp;

b) Phòng Quản lý công trình thủy lợi và Nước sạch nông thôn;

c) Phòng Phòng chống thiên tai;

d) Phòng Quản lý đê điều.

3. Các Hạt thuộc Chi cục: 14 Hạt quản lý đê điều, gồm:

- a) Hạt Quản lý đê điều khu vực Thái Thụy;
- b) Hạt Quản lý đê điều khu vực Hưng Hà;
- c) Hạt Quản lý đê điều khu vực Quỳnh Phụ;
- d) Hạt Quản lý đê điều khu vực Vũ Thư;
- đ) Hạt Quản lý đê điều khu vực Đông Hưng;
- e) Hạt Quản lý đê điều khu vực Kiến Xương;
- g) Hạt Quản lý đê điều khu vực Tiền Hải;
- h) Hạt Quản lý đê điều khu vực Thái Bình;
- i) Hạt quản lý đê điều khu vực Hưng Yên;
- k) Hạt Quản lý đê điều khu vực Văn Giang;
- l) Hạt Quản lý đê điều khu vực Khoái Châu;
- m) Hạt Quản lý đê điều khu vực Kim Động;
- n) Hạt Quản lý đê điều khu vực Tiên Lữ;
- o) Hạt Quản lý đê điều khu vực Phù Cừ;

Các Hạt quản lý đê điều có con dấu và trụ sở làm việc theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chỉ đạo việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự và những vấn đề khác liên quan của Chi cục để tổ chức thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục theo quy định.

b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của Sở Nông nghiệp và Môi trường; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những khó khăn, vướng mắc để xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

1. Việc sắp xếp giảm số lượng cấp phó của người đứng đầu tổ chức, đơn vị tại Điều 3 Quyết định này theo quy định thực hiện trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Các chế độ, chính sách của công chức, viên chức của Chi cục chịu ảnh hưởng của việc sắp xếp đơn vị hành chính được thực hiện theo khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025.

3. Chi cục tiếp tục thực hiện các công việc, thủ tục đang được Chi cục Thủy lợi và Chi cục Quản lý Đê điều - Phòng chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên (cũ) thực hiện; các công việc, thủ tục thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai, đê điều đang được Chi cục Thủy lợi thuộc Sở

Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) thực hiện. Chi cục có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan để giải quyết vấn đề phát sinh đối với các công việc, thủ tục đang thực hiện hoặc đã hoàn thành của các đơn vị nêu trên trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định: Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Bình; Quyết định số 57/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý đê điều - Phòng chống thiên tai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, ngành: Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước Khu vực IV; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ua*

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ pháp chế);
- Bộ Nội vụ (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, CVNC. *18*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Nghiêm